

ĐẢNG ỦY CHÍNH PHỦ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số **240** - CV/ĐU

Hà Nội, ngày **26** tháng **12** năm **2025**

V/v thực hiện cắt giảm và đơn giản hóa
thủ tục hành chính

Kính gửi: - Đảng ủy các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Các tỉnh ủy, thành ủy,

VĂN PHÒNG UBND TP. CẦN THƠ	
ĐẾN	Số: 05
	Ngày: 29/12/2025
Chuyển:	
Lưu hồ sơ:	

Triển khai chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương) tại Văn bản số 19431-CV/VPTW, ngày 11/12/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc thực hiện cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính, Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đảng ủy các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo theo thẩm quyền; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương triển khai thực hiện việc cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính nêu tại **Mục 2, Phần IV, Báo cáo số 679/BC-BTP**, ngày 15/11/2025 của Bộ Tư pháp về thực hiện cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính (xin gửi kèm) và các nhiệm vụ tại **Mục 2, Mục 3, Thông báo kết luận số 53-TB/TGV** ngày 23/11/2025 của Thường trực Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương (xin gửi kèm) bảo đảm việc cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm túc, thực chất, hiệu quả, theo đúng tiến độ đề ra. Có kế hoạch cụ thể để tiến đến 100% thủ tục hành chính phải được giải quyết trên môi trường điện tử, theo đúng chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại Văn bản số 19431-CV/VPTW nêu trên.

2. Đảng ủy Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan: (1) Báo cáo đồng chí Tổng Bí thư cụ thể về việc đề xuất có chính sách cho cán bộ, công chức trực tiếp, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương được hưởng hỗ trợ hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng theo chế độ tại Nghị quyết số 197/2025/QH15, ngày 17/5/2025 của Quốc hội trong dự thảo Kết luận của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính. Trong đó, làm rõ việc

này có thực sự vất vả cho cán bộ không? hoàn thành trong tháng 01/2026; (2) Trên cơ sở chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Kết luận của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, báo cáo Đảng uỷ Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đ/c Bí thư ĐU, TTgCP (để b/c),
- Các Đ/c Phó Bí thư, Ủy viên BTVĐUCP,
- VPCP: BTCN, PCN Phạm Mạnh Cường, Cục KSTT (2),
- Lưu: VT, ĐUCP(2).

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Phạm Thị Thanh Trà

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 679/BC-BTP

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Về thực hiện cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính

Kính gửi: Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đồng kính gửi: Đồng chí Phạm Minh Chính, Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Ban Chỉ đạo Trung ương) tại Thông báo số 07-TB/CQTTBCĐ ngày 15/10/2025¹, Thông báo số 386-TB/VPTW ngày 16/10/2025², Thông báo số 47-TB/TGV ngày 17/10/2025³ và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4835/VPCP-TKBT ngày 23/10/2025, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan ban hành Kế hoạch thực hiện, tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 201/CĐ-TTg ngày 22/10/2025 về việc tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) dựa trên dữ liệu⁴ và nghiêm túc

¹ Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, đánh giá lại toàn bộ TTHC cấp tỉnh, cấp xã để đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thực chất, hiệu quả, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Hoàn thành trước ngày 15/11/2025 (mục III.8 Thông báo số 07-TB/CQTTBCĐ).

² Giao Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ và Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ rà soát các TTHC địa phương ban hành, bảo đảm thống nhất giữa các địa phương, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết (văn bản nào phát hành không đúng cần phải thu hồi).

³ Các Bộ, cơ quan: Công an, Nội vụ, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng và các bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp để thực hiện có chất lượng nhiệm vụ về rà soát, đánh giá lại toàn bộ TTHC cấp tỉnh, cấp xã để đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hoá thực chất, hiệu quả, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước ngày 15/11/2025. Quá trình triển khai phải bảo đảm khoa học, bài bản, tiếp cận từ thực tiễn và dựa trên mức độ sẵn có của dữ liệu, sự liên thông, đồng bộ về hạ tầng giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị để xem xét, đề xuất cắt giảm bảo đảm hiệu quả, thực chất, theo đúng tiến độ được giao. Phát huy vai trò điều phối, đôn đốc các bộ, ngành; chủ động đề xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo đối với những vấn đề khó, phức tạp cần xử lý dứt điểm, kịp thời.

⁴ Thủ tướng Chính phủ đã giao:

(1) Giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố:

a) Khẩn trương chỉ đạo rà soát đối với 734 TTHC theo Văn bản số 4735/TCT ngày 20/10/2025 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 và các TTHC khác có chứa một trong 15 loại giấy tờ đã có thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có thể cắt giảm ngay.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ đẩy nhanh việc hoàn thành sửa đổi, bổ sung các VBQPPL để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC đã được phê duyệt tại các quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên từng lĩnh vực quản lý; trong đó, chủ động cắt giảm hoặc không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp thành phần hồ sơ mà thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu.

triển khai các nhiệm vụ theo đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng (*Chi tiết tại Phụ lục I - Danh mục các công việc đã triển khai để thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC theo Thông báo số 07-TB/CQTTBCĐ*).

Trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan ngang bộ⁵, kết quả làm việc trực tiếp với một số bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp xin báo cáo về thực hiện cắt giảm và đơn giản hóa TTHC, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản về cải cách TTHC, trong đó có nhiều chỉ đạo nhấn mạnh yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, như: *(i)* Đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu⁶; *(ii)* Xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, TTHC bất hợp lý⁷; *(iii)* Áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, TTHC... thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý TTHC, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo.... Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết TTHC; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết TTHC⁸; *(iv)* Tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC... Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, ngành khẩn trương sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời, đầy đủ các

c) Đối với 668 TTHC đặc thù do địa phương ban hành, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo việc rà soát, tham mưu cơ quan có thẩm quyền ở địa phương sửa đổi, bổ sung các VBQPPL để thực hiện việc cắt giảm hoặc không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp thành phần hồ sơ mà thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu. Hoàn thành chậm nhất trước ngày 15/11/2025 hoặc tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất.

d) Các bộ, ngành, địa phương gửi kết quả rà soát về Bộ Tư pháp trước ngày 31/10/2025.

(2) Giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện rà soát cụ thể đối với các TTHC có thành phần hồ sơ là 1 trong 15 loại giấy tờ đã có dữ liệu, có thể cắt giảm; đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, trong đó xác định rõ điều, khoản, điểm tại các VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung để bảo đảm thực thi phương án. Hoàn thành việc hướng dẫn trước ngày 23/10/2025.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành đánh giá kết quả rà soát và xây dựng Báo cáo tổng thể về việc thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC. Hoàn thành trước ngày 15/11/2025.

c) Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị quyết của Chính phủ theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật để thực thi phương án cắt giảm, thay thế ngay các thành phần hồ sơ mà thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Trình Chính phủ ban hành trước ngày 15/11/2025.

⁵ Tính đến ngày 14/11/2025, Bộ Tư pháp đã nhận được báo cáo của 17/17 bộ, cơ quan ngang bộ.

⁶ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

⁷ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

⁸ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

quy trình công tác, cải cách, đơn giản hoá TTHC đối với các nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền cho cấp tỉnh, cấp xã...⁹; (v) Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025: Bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 1.139 TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu, cắt giảm giấy tờ và chi phí... Các bộ, ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật chuyên ngành để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC điện tử¹⁰; (vi) Giao Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan khẩn trương rà soát, đánh giá toàn bộ TTHC cấp tỉnh, cấp xã để đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thực chất, hiệu quả, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Hoàn thành trước ngày 15/11/2025¹¹.

2. Nhằm góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và cả giai đoạn 05 năm 2021 - 2025, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính với phương châm lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ. Đồng thời, chỉ đạo thực hiện TTHC khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, phân định thẩm quyền giải quyết TTHC trong triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và triển khai Công Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “*một cửa sổ*” tập trung, duy nhất quốc gia¹².

Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã được đề ra ngay từ đầu năm 2025 tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 với 15 chỉ tiêu cụ thể về công tác cải cách TTHC giao các bộ, ngành, địa phương thực hiện trong năm 2025¹³; đồng thời đã chỉ đạo thúc đẩy mạnh mẽ công tác này tại các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ, Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2025¹⁴, 14 Công điện, 02 Chỉ thị, trong đó đã yêu cầu các bộ, ngành tiếp tục rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn với cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, bảo đảm nguồn lực cho chính quyền địa phương giải

⁹ Kết luận 195-KL/TW ngày 26/9/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.

¹⁰ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về việc thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

¹¹ Mục III.8 Thông báo số 07-TB/CQTBCĐ.

¹² Các văn bản: số 219/TTg-KSTT ngày 27/02/2025, số 500/TTg-KSTT ngày 04/5/2025, số 623/TTg-KSTT ngày 30/5/2025.

¹³ Cụ thể: 11 chỉ tiêu về cải cách TTHC tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và 04 chỉ tiêu về cải cách TTHC tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025.

¹⁴ Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 04/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

quyết TTHC thông suốt, hiệu quả, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 phê duyệt Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 với mục tiêu cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC, ít nhất 30% chi phí tuân thủ TTHC, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh trong năm 2025 và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 về Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; trong đó, đặt mục tiêu *“Phấn đấu 100% các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, CSDL chuyên ngành được rà soát, đánh giá, tiếp tục xây dựng, bổ sung và chuẩn hóa toàn diện theo tiêu chuẩn chung, bảo đảm bao quát tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, khả năng liên thông, kết nối, chia sẻ, tích hợp; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cải cách TTHC dựa trên dữ liệu, đáp ứng yêu cầu thiết thực của người dân, doanh nghiệp.”*

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 13/9/2025 về việc thúc đẩy triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ người dân và doanh nghiệp gắn với dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; trong đó, đã có nhiều chỉ đạo cụ thể đối với 25 dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; triển khai tích hợp giấy tờ trên ứng dụng VNeID; nền tảng “Bình dân học vụ số”...

Tại Phiên họp thứ sáu của Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật¹⁵, các Phiên họp của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06¹⁶, Lãnh đạo Chính phủ đã chỉ đạo đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực, cương quyết cắt giảm tối đa TTHC rườm rà, không cần thiết, nhất là sửa đổi, bổ sung VBQPPL để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh (ĐKKD) theo đúng lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành khác có liên quan.

Đặc biệt, thực hiện Thông báo số 07-TB/CQTTBCĐ về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành

¹⁵ Thông báo kết luận số 525/TB-VPCP ngày 01/10/2025 của Văn phòng Chính phủ.

¹⁶ Các Thông báo kết luận số: 171/TB-VPCP ngày 11/4/2025 tại Phiên họp thứ nhất, số 292/TB-VPCP ngày 09/6/2025 tại Phiên họp thứ hai, số 408/TB-VPCP ngày 08/8/2025 tại Phiên họp thứ ba, số 552/TB-VPCP ngày 13/10/2025 tại Phiên họp thứ tư.

Công điện số 201/CĐ-TTg ngày 22/10/2025 về việc tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu.

(Chi tiết tại Phụ lục II - Danh mục các văn bản chỉ đạo, điều hành về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và xây dựng CSDL).

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

1.1. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ

Đến tháng 10/2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Phương án cắt giảm TTHC, ĐKKD thuộc phạm vi quản lý của 14 bộ, cơ quan, dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa **3.064/4.888 TTHC**¹⁷ liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (đạt 62,7%); cắt giảm **2.263/6.974 ĐKKD**¹⁸ thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện (đạt 32%), vượt chỉ tiêu Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ đặt ra trong năm 2025 (30%). Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung **484 VBQPPL**¹⁹ để thực thi các phương án cắt giảm đơn giản hóa. Trong đó, **06** bộ, cơ quan đã sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành đối với 12 VBQPPL để thực thi phương án đơn giản hóa 73 TTHC, bãi bỏ 16 TTHC và cắt giảm 24 ĐKKD²⁰.

Việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD sẽ tạo điều kiện để tái cấu trúc, xây dựng các dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thể hiện trách nhiệm, quyết tâm cao của Chính phủ trong việc đồng hành cùng doanh nghiệp kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và minh bạch hơn.

(Chi tiết số lượng VBQPPL cần tập trung sửa đổi, bổ sung để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD theo Nghị quyết số 66/NQ-CP tại Phụ lục III kèm theo).

¹⁷ Đã bao gồm 123 TTHC được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung phương án cắt giảm, đơn giản hóa tại Quyết định số 3539/QĐ-NHNN ngày 23/10/2025 (cắt giảm 01 TTHC, đơn giản hóa 122 TTHC).

¹⁸ Cụ thể: (1) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các bộ đã phê duyệt phương án cắt giảm 363 TTHC, đơn giản hóa 1.812 TTHC; cắt giảm 2.041 ĐKKD thuộc phạm vi quản lý của 14 bộ, cơ quan ngang bộ.

(2) Đồng thời, tính đến 29/10/2025, các bộ đã chủ động thực hiện cắt giảm (bãi bỏ) 172 TTHC, đơn giản hóa 718 TTHC; cắt giảm (bãi bỏ) 222 ĐKKD.

¹⁹ Gồm: 53 Luật, 220 Nghị định, 19 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 05 Thông tư liên tịch, 187 Thông tư.

²⁰ Gồm: (i) Bộ Công Thương - 01 Nghị định (đơn giản hóa 01 TTHC); (ii) Bộ Giáo dục và Đào tạo - 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 Thông tư (đơn giản hóa 01 TTHC, bãi bỏ 03 TTHC, cắt giảm 20 ĐKKD); (iii) Bộ Nội vụ - 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (đơn giản hóa 02 TTHC); (iv) Bộ Xây dựng - 02 Nghị định (đơn giản hóa 09 TTHC); (v) Bộ Tài chính - 03 Nghị định, 02 Thông tư (đơn giản hóa 59 TTHC, bãi bỏ 16 TTHC); (vi) Bộ Nông nghiệp và Môi trường - 01 Nghị định (cắt giảm 04 ĐKKD).

1.2. Kết quả thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư²¹

Tính đến hết tháng 10/2025, tổng số TTHC được cắt giảm, đơn giản hóa là **1.055/1.084 TTHC phải cắt giảm, đơn giản hóa tại 19 Nghị quyết của Chính phủ**, tương ứng với việc đã sửa đổi, bổ sung 298 VBQPPL²², đạt 97%; còn 29 TTHC tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa, tại 14 VBQPPL.

Thông qua việc tích hợp, cắt giảm yêu cầu cung cấp các thông tin, giấy tờ công dân trong quá trình thực hiện TTHC và đẩy mạnh khai thác, tái sử dụng dữ liệu cơ quan nhà nước đã quản lý, các TTHC liên quan đến quản lý dân cư đã được tập trung cắt giảm, đơn giản hóa, mang lại những lợi ích thiết thực đối với người dân, doanh nghiệp.

(Chi tiết số lượng VBQPPL cần tập trung sửa đổi, bổ sung để thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư tại Phụ lục IV kèm theo).

1.3. Kết quả thực hiện rà soát TTHC nội bộ, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giải quyết TTHC

Thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, các bộ đã thực hiện phân cấp 490 TTHC tại 101 VBQPPL²³. Khi triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện yêu cầu của Chính phủ, các bộ đã trình ban hành 30 Nghị định, theo đó đã phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền từ trung ương cho cấp tỉnh 748 TTHC, cấp xã 268 TTHC.

Triển khai Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương đã tập trung rà soát, công bố TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 163 TTHC nội bộ của 08 bộ²⁴, các bộ đã thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với 38/163 TTHC. Bên cạnh đó, các bộ đã chủ động cắt giảm, đơn giản hóa 110 TTHC nội

²¹ Nghị quyết về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư được Chính phủ ban hành trong năm 2017-2018.

²² Gồm: 08 Luật, 67 Nghị định, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 221 Thông tư.

²³ Gồm: 02 Luật, 44 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 52 Thông tư.

²⁴ Gồm các bộ: Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Y tế.

bộ trên một số lĩnh vực²⁵, qua đó, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi công vụ, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức, viên chức. TTHC nội bộ trong từng bộ, từng địa phương cũng được các bộ, địa phương quan tâm rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa cả trong giai đoạn trước và sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan Trung ương và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp để bảo đảm phù hợp với việc thực hiện tinh gọn, sắp xếp bộ máy, đồng thời bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

Việc thực hiện phân cấp, phân quyền trong giải quyết TTHC và đơn giản hóa TTHC nội bộ giúp giảm bớt tầng nấc, khâu trung gian, giảm thời gian xử lý của cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết TTHC; giảm thời gian người dân, doanh nghiệp đi lại, nộp hồ sơ và nhận kết quả TTHC; đồng thời, khuyến khích, phát huy tính chủ động, sáng tạo và nâng cao vai trò của các cấp hành chính ở địa phương, góp phần khơi thông các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

1.4. Kết quả thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ

Tính đến hết tháng 10/2025, có 07 bộ, cơ quan²⁶ đã thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa 66/108 TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp, đạt 61%; 05 bộ²⁷ đang tiếp tục thực thi phương án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Tổng số còn 42 TTHC cần phải tiếp tục thực thi tại 21 VBQPPL²⁸.

Việc thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp giúp cắt giảm chi phí, thời gian thực hiện thủ tục và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong hoạt động hành chính của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

(Chi tiết số lượng VBQPPL cần tập trung sửa đổi, bổ sung để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ tại Phụ lục V kèm theo).

1.5. Về thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu

Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương rà soát, thống nhất cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ dựa trên dữ liệu hoặc cắt bỏ đối với **817 TTHC** (bao gồm 794 TTHC do cơ quan trung ương ban hành và 23 TTHC do địa

²⁵ Như: Quản lý tài sản công, đầu tư công, ODA, thi đua khen thưởng, quản lý cán bộ, công chức, quản lý, điều hành chính sách điện năng....

²⁶ 07 bộ, cơ quan gồm: Khoa học và Công nghệ, Y tế, Ngoại giao, Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

²⁷ 05 bộ gồm: Công an, Quốc phòng, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng.

²⁸ Gồm: 02 Luật, 13 Nghị định, 06 Thông tư.

phương ban hành). Đồng thời, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 để điều chỉnh các văn bản QPPL do cơ quan trung ương ban hành nhằm thực thi phương án cắt giảm nêu trên, cụ thể như sau:

- Bộ Công an đã chủ động phối hợp với các đơn vị doanh nghiệp, tập đoàn đồng hành rà soát thành phần hồ sơ TTHC của các bộ, ngành; trong đó, đã xác định bước đầu **15 loại giấy tờ**²⁹ có đầy đủ dữ liệu, có thể khai thác tự động để cắt giảm thành phần hồ sơ TTHC. Qua rà soát có **734 TTHC** có chứa 1 trong 15 loại giấy tờ đã có dữ liệu có thể cắt giảm, thuộc trách nhiệm của 11 bộ, ngành và Tòa án nhân dân. Trên cơ sở khẳng định của các bộ, ngành về các CSDL do đơn vị xây dựng đã đảm bảo đầy đủ, chính xác, vận hành ổn định và sẵn sàng chia sẻ để khai thác, sử dụng, ngày 20/10/2025, Bộ Công an đã có Công văn số 4735/TCT gửi các bộ, ngành và Tòa án nhân dân đề nghị khẳng định lại các loại giấy tờ sẵn sàng cắt giảm và xây dựng lộ trình kết nối với Bộ Công an để cắt giảm ngay.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Thông báo số 07-TB/CQTTCĐ, trên cơ sở kết quả rà soát bước đầu của Bộ Công an nêu trên, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 201/CD-TTg ngày 22/10/2025 về việc tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC dựa trên dữ liệu. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị quyết của Chính phủ theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 để thực thi các phương án cắt giảm, thay thế ngay các thành phần hồ sơ mà thông tin đã có trong các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; trình Chính phủ ban hành trước ngày 15/11/2025.

Trên cơ sở **734 TTHC** do Bộ Công an tổng hợp bước đầu, qua rà soát của các bộ, ngành, địa phương cho thấy, có **10 TTHC** trùng lặp, **184 TTHC** không có thành phần hồ sơ là 01 trong các loại giấy tờ đã có dữ liệu có thể khai thác; do vậy, số TTHC thực tế còn lại do Bộ Công an rà soát, đề xuất cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ là **540 TTHC**. Đồng thời, qua nghiên cứu, rà soát đề xuất thêm của các bộ, ngành, địa phương, ngày 15/11/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu với tổng số TTHC được đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa dựa trên dữ liệu là **794 TTHC** (gồm: **786 TTHC** thay thế thành phần hồ sơ bằng khai thác dữ liệu và **08 TTHC** đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ) với số lượng VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung là **221 văn bản** (gồm: 22 luật, 113 nghị định, 08 quyết định của Thủ tướng

²⁹ Gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ khẩu, Thẻ bảo hiểm y tế, Thẻ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Giấy phép lái xe (Bằng lái xe), Đăng ký xe, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân, Giấy khai tử, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy đăng ký kinh doanh.

Chính phủ, 76 thông tư, thông tư liên tịch, 02 quyết định của Bộ trưởng). Như vậy, tổng hợp đề xuất là 794 TTHC thay thế, cắt giảm thành phần hồ sơ, lớn hơn so với danh mục do Bộ Công an đã rà soát bước đầu là 254 TTHC.

Ngoài ra, để bảo đảm thông tin trong các CSDL được sử dụng trên thực tế sau này sẽ được tự động thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ TTHC, Nghị quyết cũng đã quy định nguyên tắc mở: *“thành phần hồ sơ TTHC là các giấy tờ không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này được thay thế bằng dữ liệu khi có thông tin đầy đủ trong các CSDL quy định tại Điều này và các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành khác”*.

Căn cứ vào thực trạng và tiến độ xây dựng, vận hành các CSDL theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và hạ tầng công nghệ thông tin, dự thảo Nghị quyết quy định thời điểm có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026; trường hợp quy trình giải quyết TTHC được tái cấu trúc và công bố theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này trước ngày 01/01/2026 thì thành phần hồ sơ TTHC thay thế bằng dữ liệu được thực hiện kể từ ngày đó. Đồng thời, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chủ quản CSDL tổ chức cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trong CSDL và công bố phạm vi thông tin trong CSDL được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo mức độ hoàn thiện của CSDL để các bộ, ngành, địa phương thực hiện tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC, bảo đảm thực thi trên thực tế.

(Xin gửi kèm theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu).

- Đối với TTHC đặc thù do địa phương ban hành

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo rà soát đối với 688 TTHC đặc thù do 21 địa phương rà soát cho thấy các địa phương đã đề xuất thay thế bằng dữ liệu đối với 23 TTHC. Còn lại 645 TTHC thuộc các trường hợp: ((1) 54 TTHC đã hết hiệu lực; (2) 11 TTHC nội bộ; (3) 94 TTHC do địa phương hóa; (4) 155 TTHC không có thành phần hồ sơ là 15 loại giấy tờ có thể thay thế; (5) 04 TTHC có quy định 1 trong 15 thành phần hồ sơ có thể thay thế nhưng đã có quy định về việc không yêu cầu nộp khi khai thác được bằng dữ liệu; (6) 03 TTHC có thành phần hồ sơ nhưng đề xuất không cắt giảm; (7) 51 TTHC có liệt kê nhưng không có thông tin theo hướng dẫn; (8) 273 TTHC chưa được địa phương rà soát, báo cáo.

Phương án xử lý là: (1) 23 TTHC các địa phương đề xuất thay thế bằng dữ liệu sẽ được địa phương tái cấu trúc quy trình và thực hiện theo Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP; (2) 645 TTHC còn lại được giao cho các địa phương thực hiện theo kiến nghị tại điểm 2.2.8, mục IV của Báo cáo này.

2. Về quy định pháp luật liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Quy định pháp luật về TTHC nói chung và việc rà soát, đánh giá TTHC, xây dựng VBQPPL có quy định về TTHC nói riêng được quy định chủ yếu tại 03 văn bản/nhóm văn bản: (1) Luật Ban hành VBQPPL, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; (2) Các Nghị định của Chính phủ quy định về kiểm soát TTHC³⁰; (3) Các Thông tư hướng dẫn nghiệp vụ của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp³¹. Theo đó:

2.1. Về thẩm quyền quy định TTHC

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC thì *“TTHC phải được quy định trong VBQPPL theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật Ban hành VBQPPL.”*

Trước đây, theo quy định khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14 thì một trong những hành vi bị nghiêm cấm là: *“Quy định TTHC trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND), VBQPPL của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định TTHC trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này.”* Theo đó, chủ thể có thẩm quyền quy định TTHC phải là Quốc hội, Chính phủ, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định TTHC trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 cho phép UBND cấp tỉnh được điều chỉnh các quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền đang được quy định trong VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, bảo đảm yêu cầu về cải cách hành chính theo

³⁰ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC, có hiệu lực kể từ ngày 14/10/2010, được sửa đổi, bổ sung bởi:

(1) Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2013;

(2) Nghị định số 150/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/12/2016;

(3) Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, có hiệu lực kể từ ngày 25/9/2017.

³¹ Gồm: (1) Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC; (2) Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; (3) Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng VBQPPL và soạn thảo dự án, dự thảo VBQPPL.

hướng giảm TTHC, không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng (khoản 6 Điều 13). Vì vậy, Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 không giới hạn thẩm quyền ban hành TTHC để bảo đảm sự đồng bộ giữa các quy định của pháp luật.

2.2. Về thẩm quyền công bố TTHC

Theo quy định pháp luật về kiểm soát TTHC³² thì: *“Tất cả các TTHC sau khi ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ phải được công bố công khai.”*. Theo đó, về thẩm quyền công bố TTHC³³ thì:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ **công bố TTHC** được quy định trong VBQPPL về ngành, lĩnh vực **thuộc phạm vi chức năng quản lý** của Bộ, cơ quan ngang Bộ. Những TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, cơ quan ngang bộ sẽ bao gồm: (1) những TTHC do **Trung ương giải quyết** và (2) những TTHC do **Trung ương ban hành để địa phương giải quyết**.

- Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố: (1) Danh mục TTHC **thuộc thẩm quyền giải quyết** của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và (2) TTHC **được giao quy định hoặc quy định chi tiết** trong VBQPPL của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Với quy định hiện hành về thẩm quyền công bố TTHC đã dẫn tới tình trạng Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương **cũng có thẩm quyền công bố lại TTHC** do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành. Quy định này cũng **dẫn đến nhiều cách tiếp cận khác nhau** khi tính toán số lượng TTHC trên phạm vi toàn quốc và sẽ **cho ra kết quả khác nhau**. Đơn cử, với cách tiếp cận tính toán số lượng TTHC **theo thẩm quyền công bố**, tại Văn bản số 4735/TCT ngày 20/10/2025, Tổ công tác Đề án 06 của Chính phủ đã thông tin tổng số TTHC cấp tỉnh, xã do địa phương tự công bố là 73.814 TTHC. Cũng theo Văn bản số 4735/TCT nêu trên thì có tới 1.507 TTHC được 34 địa phương cùng công bố (tức là công bố lại). Tuy nhiên, với cách tiếp cận tính toán số lượng TTHC **theo thẩm quyền ban hành** thì số TTHC do Trung ương ban hành và áp dụng trong phạm vi toàn quốc là **5.542 TTHC**³⁴ (số liệu trích xuất ngày 13/11/2025) và **668 TTHC** được địa phương quy định để áp dụng cho các chính sách đặc thù tại địa phương³⁵.

2.3. Về các quy định liên quan đến rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

³² Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

³³ Điều 13 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

³⁴ Gồm: 3.195 TTHC cấp bộ hoặc ngành dọc; 2.347 TTHC cấp tỉnh; 510 TTHC cấp xã và 143 TTHC cơ quan khác.

³⁵ Công văn số 9193/VPCP-KSTT ngày 27/9/2025 của Văn phòng Chính phủ.

Theo các Nghị định về kiểm soát TTHC³⁶ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ³⁷ thì:

(1) Về trách nhiệm rà soát, đánh giá TTHC:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý ngành, lĩnh vực.

- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá độc lập TTHC trong các trường hợp sau đây: (i) Theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; (ii) TTHC có liên quan chặt chẽ với nhau, kết quả thực hiện TTHC này là tiền đề để thực hiện TTHC tiếp theo; (iii) Đối với các TTHC mà qua phát hiện hoặc theo thông tin phản ánh của cá nhân, tổ chức, còn rườm rà, khó thực hiện, gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức kinh tế và đời sống của nhân dân.

(2) Về nội dung rà soát, đánh giá TTHC, bao gồm: Sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của TTHC, quy định có liên quan đến TTHC và chi phí tuân thủ của TTHC được rà soát, đánh giá; Sự phù hợp của TTHC và các quy định có liên quan đến TTHC được rà soát, đánh giá với mục tiêu quản lý nhà nước và những thay đổi về kinh tế - xã hội, công nghệ và các điều kiện khách quan khác; Các nguyên tắc về quy định và thực hiện TTHC.

(3) Về quy trình rà soát, đánh giá TTHC:

Trên cơ sở yêu cầu rà soát³⁸, các bộ, cơ quan, địa phương tiến hành rà soát và trình phê duyệt³⁹ phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC bao gồm: (i) Nội dung đơn giản hóa; (ii) Kiến nghị thực thi (quy định pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ); (iii) Lộ trình thực hiện.

³⁶ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC.

³⁷ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC.

³⁸ Dựa trên một trong các căn cứ sau:

a) Chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
b) Lựa chọn của Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
c) Phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC.

³⁹ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt phương án thuộc thẩm quyền; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (bao gồm phương án tham mưu liên quan đến các luật).

(4) Về thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

Sau khi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC được phê duyệt, các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định, TTHC theo thẩm quyền hoặc tham mưu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định, TTHC tại các VBQPPL theo phương án đã được phê duyệt.

Trong đó, đối với việc xây dựng VBQPPL có quy định về TTHC phải thực hiện một số quy trình là:

(i) Đánh giá tác động TTHC:

Theo quy định Luật Ban hành VBQPPL, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động của TTHC và Bản đánh giá về TTHC là hồ sơ bắt buộc trong hồ sơ dự thảo VBQPPL⁴⁰.

Qua theo dõi, Bộ Tư pháp nhận thấy, công tác đánh giá tác động TTHC đã dần đi vào nề nếp, ổn định. Việc đánh giá tác động TTHC đã hỗ trợ hiệu quả cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng, đề xuất chính sách, chủ trì soạn thảo nhằm kịp thời phát hiện những bất cập về TTHC trong đề nghị xây dựng, đề xuất chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL; giúp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành VBQPPL có thêm thông tin trước khi thông qua hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định TTHC. Từ đó, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, từng bước đáp ứng kỳ vọng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp về một nền hành chính chuyên nghiệp, vì dân phục vụ.

(ii) Lấy ý kiến góp ý, thẩm định của cơ quan/đơn vị kiểm soát TTHC:

- Theo quy định pháp luật về kiểm soát TTHC và hướng dẫn đánh giá tác động TTHC thì cơ quan lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL có quy định về TTHC có trách nhiệm lấy ý kiến Văn phòng Chính phủ, Văn phòng bộ, cơ quan ngang bộ, Văn phòng UBND cấp tỉnh về quy định TTHC trong dự thảo VBQPPL⁴¹, lấy ý kiến về đánh giá tác động TTHC⁴².

Trong thẩm định VBQPPL, đã quy định cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định quy định về TTHC và thể hiện nội dung này trong Báo cáo thẩm định⁴³. Trong quá trình thẩm định, cơ quan kiểm soát TTHC có ý kiến tại cuộc họp thẩm định (trong trường hợp được mời tham gia họp thẩm định) hoặc ý kiến bằng văn

⁴⁰ Việc đánh giá tác động TTHC thực hiện theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng VBQPPL và soạn thảo dự án, dự thảo VBQPPL.

⁴¹ Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

⁴² Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2022/TT-BTP.

⁴³ Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

*bản theo yêu cầu của cơ quan thẩm định về việc đánh giá tác động của TTHC và quy định TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản và dự án, dự thảo văn bản*⁴⁴.

Công tác thẩm định quy định về TTHC tại đề nghị xây dựng, đề xuất chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL được các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương chú trọng thực hiện nhằm bảo đảm kiểm soát chặt chẽ quy định TTHC ngay trong quá trình đề nghị xây dựng, đề xuất chính sách, soạn thảo dự án, dự thảo VBQPPL, bảo đảm chỉ ban hành và duy trì những TTHC, quy định thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và có chi phí tuân thủ thấp nhất theo các ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng công nghệ để kết nối, khai thác, sử dụng thông tin trong các CSDL; việc khắc phục sai sót, thực hiện đồng bộ dữ liệu, nâng cấp hệ thống phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến kết nối, khai thác dữ liệu để giải quyết TTHC.

Công tác thẩm định quy định TTHC tại Bộ Tư pháp tiếp tục được triển khai tích cực, hiệu quả theo Luật Ban hành VBQPPL cũng như các văn bản pháp luật về kiểm soát TTHC, ý kiến thẩm định TTHC về cơ bản đã được các cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu tại cuộc họp thẩm định và làm cơ sở để hoàn thiện quy định TTHC trong đề xuất chính sách và dự án, dự thảo văn bản. Từ năm 2023 đến nay, Bộ Tư pháp đã thẩm định đối với **2.745** TTHC tại **281** đề xuất chính sách và dự án, dự thảo VBQPPL⁴⁵ do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo; trong đó: đã đề nghị **không quy định 46 thủ tục, đề nghị sửa đổi, bổ sung 1.801 thủ tục, chiếm tỷ lệ 67% tổng số TTHC** quy định tại các đề xuất chính sách và dự án, dự thảo văn bản.

3. Về xây dựng, hoàn thiện CSDL

Yêu cầu về xây dựng CSDL đã được đề ra tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ; theo đó, gồm: (i) **11** CSDL quốc gia, trọng yếu theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW và **01** CSDL của Tòa án nhân dân tối cao; (ii) **116** CSDL theo Nghị quyết số 71/NQ-CP.

- Đối với 11 CSDL quốc gia, trọng yếu theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW và CSDL của Tòa án nhân dân tối cao, đến nay, có: **03** CSDL đã có nền tảng và **01** CSDL tập trung, đang tiếp tục hoàn thiện, đảm bảo tiến độ hiện tại (*gồm: CSDL Hộ tịch điện tử; CSDL quốc gia về đất đai; CSDL quốc gia về tài chính*); **01** CSDL đã hoàn thành thử nghiệm, đang rà soát, đánh giá tổng thể trước khi chạy chính thức (*gồm: CSDL bản án, quyết định Tòa án*); **08** CSDL chưa có nền tảng và CSDL tập trung (*gồm: CSDL hoạt động xây dựng; CSDL kiểm soát tài sản, thu*

⁴⁴ Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2022/TT-BTP.

⁴⁵ Gồm: 66 luật, 02 nghị quyết của Quốc hội, 183 nghị định, 03 nghị quyết của Chính phủ, 20 quyết định, 07 thông tư.

nhập; CSDL quốc gia về an sinh xã hội; CSDL ngành giáo dục và đào tạo; CSDL ngành Y tế; CSDL hàng hóa (hóa chất, tiền chất); CSDL ngành nông nghiệp; CSDL xử lý vi phạm hành chính).

(Chi tiết tình hình xây dựng các CSDL tại mục 1 Phụ lục VI kèm theo).

- Đối với **116 CSDL** được giao theo Nghị quyết 71/NQ-CP, có **105/116** CSDL phải hoàn thành trong năm 2025 thuộc trách nhiệm của 16 bộ, ngành; còn **11/116** CSDL phải hoàn thành trong năm 2026 thuộc trách nhiệm của 03 bộ.

Trong đó, đã xây dựng và sử dụng được **17 CSDL** (gồm: 04 CSDL của Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁴⁶; 02 CSDL của Bộ Tư pháp⁴⁷; 01 CSDL của Bộ Nội vụ⁴⁸; 04 CSDL của Bộ Xây dựng⁴⁹; 01 CSDL của Bộ Công thương⁵⁰; 01 CSDL của TAND tối cao⁵¹; 04 CSDL của Ngân hàng Nhà nước⁵²).

(Chi tiết tình hình xây dựng các CSDL tại mục 2 Phụ lục VI kèm theo).

4. Về xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng

4.1. Về hạ tầng, an toàn thông tin

- Đến hết năm 2024, các bộ, ngành, địa phương thực hiện hợp nhất Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh và kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP⁵³. Cùng với thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp, các bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành việc hợp nhất các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. Hiện nay, có 14 Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp Bộ, 34 Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đang vận hành có mô hình phân cấp; trong đó: Cổng Dịch vụ công quốc gia do Văn phòng Chính phủ quản lý, các bộ, ngành, địa phương triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo phạm vi giải quyết của bộ, ngành, địa phương.

⁴⁶ Nền địa lý quốc gia, Viễn thám quốc gia, Nghề cá quốc gia (Vnfishbase), Khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo.

⁴⁷ Hộ tịch điện tử; biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung, bằng cây hằng năm, công trình tạm.

⁴⁸ Người lao động Việt Nam làm việc tại nước ngoài.

⁴⁹ Kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt; Đăng kiểm phương tiện; Tàu biển, thuyền viên lĩnh vực hàng hải; Năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân và tổ chức.

⁵⁰ Kinh tế Công nghiệp và Thương mại.

⁵¹ Hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ thụ lý, giải quyết các loại vụ, việc dùng chung.

⁵² Kho dữ liệu Data warehouse; CSDL Thông tin tín dụng; CSDL Mã ngân hàng; Bảng số liệu Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

⁵³ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của mỗi bộ, ngành, địa phương đã đi vào hoạt động ổn định, với các chức năng cơ bản như: cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC.

- Theo báo cáo khảo sát hạ tầng, an toàn thông tin tại các địa phương của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) thuộc Bộ Công an cho thấy:

+ 27/34 địa phương có Hệ thống thông tin giải quyết TTHC triển khai tập trung và chạy trên một hệ thống, hoạt động ổn định; 07/34 địa phương có Hệ thống chưa ổn định, còn gặp lỗi/trục trặc⁵⁴.

+ 34/34 địa phương đã xác định và phê duyệt cấp độ hệ thống thông tin cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

+ 34/34 địa phương có hệ thống đáp ứng an toàn thông tin cấp độ 3, có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia về dân cư khi cần, đáp ứng Văn bản 708/BCA-A05.

+ Về bảo mật thiết bị đầu cuối tại các Trung tâm phục vụ hành chính công: Các máy trạm tại bộ phận một cửa và cơ quan nhà nước hầu hết đã được cài đặt phần mềm chống mã độc, cán bộ được trang bị thiết bị ký số.

4.2. Về việc xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung từ cấp bộ xuống cấp tỉnh và cấp xã

Ngày 11/7/2025, tại Thông báo số 35-TB/TGV của Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương về kết luận cuộc họp của Lãnh đạo Ban Chỉ đạo Trung ương với Thường trực Tổ Giúp việc và các cơ quan có liên quan về tình hình thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và một số nhiệm vụ trọng tâm, trong đó: giao các bộ, ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ và các địa phương trên cơ sở kết quả tái cấu trúc quy trình TTHC, thực hiện xây dựng và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã theo **mô hình tập trung**, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, công sức, kinh phí và tránh đầu tư trùng lặp. Hoàn thành trước ngày 01/01/2026. Ngày 11/9/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng. Theo đó, đã giao các bộ, cơ quan ở Trung ương xây dựng Nền tảng/Hệ thống thông tin giải quyết TTHC các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước, thời hạn hoàn thành là **ngày 31/12/2025**.

⁵⁴ Gồm: Cao Bằng, Thái Nguyên, Hưng Yên, Ninh Bình, Đắk Lắk, Gia Lai và Đồng Nai.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã có văn bản số 5721/BKHCN-CĐSQG ngày 17/10/2025 và văn bản số 6247/BKHCN-CĐSQG ngày 03/11/2025 về kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh; trong đó, xác định nội dung cần thực hiện gồm: (i) Xây dựng mới Hệ thống điều phối giải quyết TTHC; (ii) Các bộ, ngành thực hiện nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung do mình phụ trách, cấu hình biểu mẫu điện tử tương tác, quy trình điện tử triển khai xuyên suốt từ cấp bộ đến cấp tỉnh và cấp xã; (iii) Việc kết nối đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và các kết nối khác trong mô hình thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia; (iv) Các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh (hiện có) tiếp tục duy trì, là nơi nhận đồng bộ dữ liệu giải quyết TTHC để các địa phương tra cứu, khai thác cho các nhu cầu quản lý tại địa phương, hạn chế thực hiện nâng cấp, mở rộng, trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo yêu cầu, chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

Xác định phương án triển khai chia 02 giai đoạn hoàn thành trước ngày 01/01/2026, cụ thể:

- Giai đoạn 1: Giai đoạn này triển khai đối với 82 nhóm TTHC theo Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo trung ương.

- Giai đoạn 2: Giai đoạn này thực hiện đối với toàn bộ TTHC. Các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh (hiện có) sẽ là nơi nhận đồng bộ dữ liệu để tra cứu, khai thác cho các nhu cầu quản lý tại địa phương, không thực hiện giải quyết TTHC trên các hệ thống đó.

Đến nay⁵⁵, tình hình xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình mới như sau:

+ 07 bộ có TTHC đã cơ bản giải quyết hết khó khăn, vướng mắc và cam kết bảo đảm hoàn thành trước 31/12/2025, gồm: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước.

+ 09 bộ có TTHC cần tập trung nỗ lực đặc biệt để bảo đảm hoàn thành trước 31/12/2025: Bộ Nội vụ, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

⁵⁵ Theo Báo cáo số 02-BC/BCDDTTW-TCTLN ngày 03/11/2025 của Tổ công tác liên ngành Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Về rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

- Việc thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa ở một số bộ, ngành, địa phương còn chậm. Việc kiểm soát TTHC đặc thù ở địa phương chưa đạt hiệu quả như mong muốn⁵⁶.

- Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW còn chậm⁵⁷; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công còn tồn tại, hạn chế; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình ở cấp địa phương chưa đạt so với mục tiêu tối thiểu 80% vào năm 2025; chất lượng dịch vụ công trực tuyến còn thấp, chưa đảm bảo đúng mức độ công bố, nhất là dịch vụ công trực tuyến toàn trình do chưa khai thác, tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thực chất TTHC (tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu của bộ chỉ đạt 4,1%)⁵⁸.

- Việc số hóa dữ liệu lịch sử trước khi sắp xếp địa giới hành chính còn chậm; chưa kịp thời chuyển dịch dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống hợp nhất⁵⁹, chuyển giao dữ liệu từ các Bộ xuống địa phương với các TTHC được phân cấp, dẫn đến việc phát sinh các TTHC phối hợp giữa các cơ quan trong việc xác nhận dữ liệu, kiểm tra thông tin, nhất là lĩnh vực đất đai khi thực hiện giữa các chi nhánh văn phòng đăng ký, các phường, xã, làm tăng thời gian giải quyết TTHC (có thể gấp 2, 3 lần, ví dụ Hà Nội⁶⁰).

Bên cạnh đó, việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC vẫn còn thực trạng chỉ đính kèm bản pdf, chưa đáp ứng các yêu cầu để tái sử dụng trong giải quyết TTHC khác có liên quan.

⁵⁶ Theo Công văn số 9193/VPCP-KSTT ngày 27/9/2025 của Văn phòng Chính phủ thì hiện nay có 668 TTHC đặc thù do địa phương quy định; tuy nhiên, qua làm việc với UBND thành phố Hà Nội, UBND tỉnh Bắc Ninh thì việc rà soát, công bố TTHC đặc thù còn chưa kịp thời hoặc chưa chính xác, cụ thể là:

- UBND thành phố Hà Nội chưa công bố TTHC đặc thù tại một số văn bản như: (1) Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND quy định về tổ chức và hoạt động của trung tâm công nghiệp văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội; (2) Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND quy định về tổ chức và hoạt động của trung tâm công nghiệp văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội; (3) Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND quy định về Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển Thủ đô Hà Nội”; (4) Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn do Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý trên địa bàn Thành phố Hà Nội...

- Trong danh mục TTHC đặc thù của tỉnh Bắc Ninh, có TTHC không phải là TTHC đặc thù do địa phương ban hành (mà là TTHC do Trung ương ban hành), ví dụ: thủ tục Tuyển sinh đầu cấp Tiểu học (mã số 1.010219), thủ tục Tuyển sinh đối với Giáo dục Mầm non (mã số 1.010220).

⁵⁷ Theo văn bản số 5082/BCA-C06 ngày 12/11/2025 của Bộ Công an, đến nay, có 46/82 nhóm TTHC đã thống nhất quy trình nghiệp vụ, 04/82 nhóm TTHC các bộ, ngành đang có ý kiến bãi bỏ, 04/82 nhóm TTHC các bộ, ngành đề xuất không triển khai và 28/82 nhóm TTHC vẫn còn có vướng mắc hoặc chưa được khảo sát.

⁵⁸ Theo Văn bản số 10439/VPCP-KSTT ngày 28/10/2025 của Văn phòng Chính phủ.

⁵⁹ Theo báo cáo của UBKT Trung ương có 14% (444 xã, phường) báo cáo kho quản lý dữ liệu cá nhân, tổ chức trên Hệ thống cũ chưa khai thác được dữ liệu trên Hệ thống mới.

⁶⁰ Ví dụ: Thực hiện TTHC cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vị trí thửa đất trước đây thuộc quận cầu giấy; sau khi sắp xếp đơn vị hành chính thuộc Phường Thanh Xuân). Hiện nay, khi thực hiện TTHC này ở Hà Nội phát sinh thêm thủ tục phối hợp cung cấp thông tin giữa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Xuân và Chi nhánh Cầu Giấy, làm thời gian giải quyết TTHC tăng lên gấp 02 lần so với quy định pháp luật hiện nay (thời gian giải quyết thực tế khoảng 10 - 15 ngày làm việc, trong khi quy định pháp luật là 05 ngày làm việc).

1.2. Về quy định pháp luật liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

- Theo quy định pháp luật về kiểm soát TTHC thì: *“Việc quy định một TTHC chỉ hoàn thành khi đáp ứng đầy đủ các bộ phận tạo thành cơ bản sau đây: a) Tên TTHC; b) Trình tự thực hiện; c) Cách thức thực hiện; d) Thành phần, số lượng hồ sơ; đ) Thời hạn giải quyết; e) Đối tượng thực hiện TTHC; g) Cơ quan giải quyết TTHC; h) Trường hợp TTHC phải có mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; kết quả thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện; phí, lệ phí thì mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; kết quả thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện; phí, lệ phí là bộ phận tạo thành của TTHC.”*⁶¹. Thực tiễn cho thấy, có những TTHC được quy định từ luật đến nghị định và thông tư mới đáp ứng đầy đủ các bộ phận tạo thành TTHC. Đối với các TTHC này, khi sửa đổi, bổ sung, thay thế TTHC đòi hỏi phải sửa đổi cả luật, nghị định và thông tư, do vậy, thời gian thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thường kéo dài, không bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ.

- Việc đánh giá tác động TTHC trong lập đề nghị xây dựng, đề xuất chính sách, soạn thảo một số dự án, dự thảo VBQPPL chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định, cụ thể như: Một số báo cáo đánh giá tác động chính sách chưa có nội dung đánh giá tác động TTHC hoặc có nội dung đánh giá tác động TTHC nhưng còn chung chung, chưa chính xác, chưa kèm theo Biểu mẫu đánh giá tác động TTHC theo Phụ lục I của Thông tư số 03/2022/TT-BTP; một số Bản đánh giá TTHC còn hình thức, chất lượng chưa bảo đảm, dẫn đến một số dự thảo VBQPPL có quy định TTHC chưa thực sự đơn giản hóa, chưa thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC.

- Việc rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC được giao cho cơ quan kiểm soát TTHC chủ trì thực hiện; tuy nhiên, việc thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC do các cơ quan chuyên môn chủ trì tham mưu. Trong quá trình xây dựng VBQPPL có quy định TTHC, vẫn còn tình trạng cơ quan lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL có quy định về TTHC chưa thực hiện đầy đủ quy định lấy ý kiến cơ quan kiểm soát TTHC về quy định TTHC trong dự thảo VBQPPL và về đánh giá tác động TTHC. Việc tham gia của cơ quan kiểm soát TTHC trong thẩm định quy định về TTHC hiện đang được quy định theo hướng “mở” (chỉ có ý kiến trong trường hợp được mời tham gia họp thẩm định hoặc theo yêu cầu của cơ quan thẩm định). Từ đó dẫn đến việc thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC chưa được kiểm soát chặt chẽ và không đảm bảo sự đồng bộ, kịp thời giữa việc thông qua phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC với việc sửa đổi quy định pháp luật để đảm bảo thực thi phương án đó.

1.3. Về xây dựng, hoàn thiện CSDL

⁶¹ Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

Theo đánh giá của Bộ Công an⁶² thì:

- Việc ban hành các chiến lược về chuyển đổi số và dữ liệu còn chậm; theo thông tin của Tổ giúp việc liên ngành Ban Chỉ đạo Trung ương⁶³ và cập nhật thông tin đến ngày 15/11/2025, còn 01 bộ, ngành chưa hoàn thành đầy đủ cả 02 Chiến lược là Thanh tra Chính phủ.

- Về tiến độ/kỹ thuật theo từng CSDL trọng yếu:

+ Đã có nền tảng nhưng “chưa đạt yêu cầu”/chưa phủ kín triển khai: Hộ tịch điện tử (*82/94 cơ quan đại diện ở nước ngoài chưa triển khai*); Đất đai (*06/34 tỉnh chưa đồng bộ lên Trung ương*).

+ Chưa có nền tảng/ CSDL tập trung hoặc mức độ hoàn thiện thấp: (i) Hoạt động xây dựng (đang ở giai đoạn phân tích, thiết kế); (ii) Kiểm soát tài sản, thu nhập (đang xây phần mềm, lưu trữ tạm thời); (iii) An sinh xã hội (mới giai đoạn 1, chưa tập trung đầy đủ); (iv) Y tế (chưa có nền tảng điều phối dữ liệu toàn ngành, nguy cơ không hoàn thành 2025); (v) Hàng hóa (hóa chất, tiền chất) cần đổi tên, phạm vi sang Hệ thống xác thực và truy vết hàng hóa, mới phê duyệt bước kỹ thuật; (vi) Xử lý vi phạm hành chính (chưa có nền tảng, đang đề xuất chuyển cơ quan chủ trì).

+ Một số nội dung thể chế hóa/chuẩn hóa đầu vào còn thiếu: (i) Tòa án nhân dân tối cao chưa ban hành biểu mẫu bản án, quyết định chính thức; (ii) Bộ Giáo dục và Đào tạo mới thí điểm văn bằng số năm 2025, nhiều địa phương vẫn ký giấy; hệ thống ngành Giáo dục và Đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin theo Công văn 708/BTTTT-CATTT.

- Về công tác phối hợp bộ/ngành - địa phương - doanh nghiệp:

+ Phối hợp nội bộ bộ/ngành và liên ngành chưa chặt chẽ; còn biểu hiện e ngại, đùn đẩy, nhất là khâu lập hồ sơ đăng ký kinh phí.

+ Doanh nghiệp đồng hành “trùng xuống” so với giai đoạn đầu: Chưa ký được hợp đồng ở nhiều nơi, thiếu nhân lực bám sát, sản phẩm chiến lược ở một số bộ còn manh mún theo từng CSDL, thiếu cái nhìn tổng thể.

- Về dữ liệu, kết nối, làm sạch:

+ Chất lượng dữ liệu và đồng bộ còn hạn chế, như: đất đai đã đối khớp 58 triệu bản ghi nhưng còn 4,6 triệu lệch, 14 triệu không tìm thấy thông tin; một số CSDL mới hình thành, dữ liệu đầu vào phân tán (ví dụ: CSDL Di cư).

⁶² Văn bản số 4944/BCA-V03 ngày 03/11/2025 của Bộ Công an.

⁶³ Báo cáo số 04-BC/BCDDTW-TCTLN ngày 08/11/2025 của Tổ giúp việc liên ngành Ban Chỉ đạo Trung ương.

+ Liên thông/kết nối chưa đồng đều, như: có nơi đã kết nối (tài chính, hộ tịch với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC) nhưng nhiều nơi mới dừng ở phạm vi kỹ thuật, chưa vận hành ổn định/xuyên suốt.

- Về kinh phí, thủ tục: Tỷ lệ được cấp kinh phí thấp so với nhu cầu đăng ký; nhiều CSDL chưa đăng ký/hoàn thiện hồ sơ: còn 07/12 CSDL trọng yếu và 40/116 CSDL chuyên ngành chưa đăng ký kinh phí; tỷ lệ được cấp thực tế mới đạt khoảng 30–32% so với đăng ký.

1.4. Về xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng

- Việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình phân tán/phân cấp hiện nay mặc dù có ưu điểm là Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của mỗi đơn vị hoạt động độc lập, khi xảy ra sự cố không gây ra ảnh hưởng tới các hệ thống khác; tuy nhiên nếu xét trên nguyên tắc *“Một hệ thống thống nhất - Một dữ liệu duy nhất - Một dịch vụ liền mạch”* thì khi triển khai theo mô hình phân tán/phân cấp có một số tồn tại, hạn chế như:

+ 34 Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tại địa phương thiết lập hơn 2.000 TTHC như nhau, chỉ khác nhau về một số tham số theo như mức phí, thời gian giải quyết TTHC... và các TTHC đặc thù. Việc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ/ngành/địa phương kết nối khai thác thông tin công dân trong CSDL quốc gia về dân cư, đăng nhập một lần (SSO), xác thực định tài khoản định danh điện tử VNeID, kết nối đồng bộ dữ liệu với các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành mất rất nhiều thời gian và nguồn lực để các bộ/ngành/địa phương hoàn thành việc nâng cấp hệ thống, bổ sung các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn bảo mật và triển khai tích hợp. Cùng một CSDL, 34 địa phương phải thực hiện kết nối như nhau nhưng tiến độ và chất lượng triển khai không đồng đều.

+ Chưa đảm bảo tính thống nhất của các dịch vụ công giống nhau trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, cụ thể: Cùng một thủ tục, có địa phương đã triển khai biểu mẫu điện tử tương tác, có địa phương chưa triển khai, hoặc nếu có triển khai thì cách thiết kế, các tiện ích kiểm tra dữ liệu hoàn toàn khác nhau. Dẫn đến không có sự thống nhất trong cùng một TTHC trên các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

- Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh theo hướng thực hiện mô hình Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung từ cấp bộ, xuống cấp tỉnh và cấp xã là phù hợp với nguyên tắc *“Một hệ thống thống nhất - Một dữ liệu duy nhất - Một dịch vụ liền mạch”*. Tuy nhiên, kiến trúc còn chưa rõ phạm vi TTHC thực hiện tập trung tại

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành⁶⁴; chưa rõ mối quan hệ của các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh (hiện có) với Hệ thống của các bộ, ngành và Cổng Dịch vụ công quốc gia sau khi đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành (theo mô hình tập trung); chưa xác định rõ Hệ thống nào sẽ thực hiện đối với các TTHC đặc thù của các địa phương. Bên cạnh đó, để đảm bảo thực hiện đồng bộ, cần sớm ban hành hướng dẫn tích hợp, kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành (theo mô hình tập trung) với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống điều phối giải quyết TTHC, gắn với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia trong tháng 11/2025.

Thêm nữa, để phù hợp với kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, cần nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung một số VBQPPL có liên quan như: Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia⁶⁵; Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Hiện nay, nhiều cơ quan/đơn vị chưa có hệ thống CSDL chuyên ngành. Việc giải quyết TTHC không tập trung, mỗi địa phương một hệ thống dẫn đến không tạo lập được dữ liệu chuyên ngành tập trung, dữ liệu không được phát sinh từ nghiệp vụ nên không đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”. Có dữ liệu đã được tạo lập nhưng không được kết nối, chia sẻ dẫn đến việc không khai thác, sử dụng được để thực hiện đơn giản hóa TTHC.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Với sự thay đổi nhanh chóng của khoa học, công nghệ, đòi hỏi phải thay đổi phương thức, thói quen làm việc, do đó cần có thời gian nhất định để thích nghi và lựa chọn cách làm phù hợp; bên cạnh đó, người dân, doanh nghiệp chưa được truyền thông toàn diện, kịp thời và chưa được phổ biến, hướng dẫn đầy đủ kỹ năng số cơ bản để khai thác, sử dụng các dịch vụ, tiện ích số. Mặt khác, do thói quen, tâm lý muốn đến nộp hồ sơ trực tiếp để được hướng dẫn cụ thể của người dân khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến cũng là nguyên nhân rất phổ biến hiện

⁶⁴ Thực hiện đối với TTHC do Bộ công bố hay TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ, Ngành.

⁶⁵ Điều 27 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP quy định về việc xây dựng hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh. Bên cạnh đó, cần bổ sung Hệ thống điều phối giải quyết TTHC là một thành phần của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

nay, dẫn đến tình trạng phát sinh tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần, thanh toán trực tuyến còn thấp.

- Hành lang pháp lý cho việc chia sẻ, khai thác dữ liệu và xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử vẫn còn thiếu sót hoặc chưa thống nhất, dẫn tới một số bộ, ngành chưa thể vận hành dịch vụ công toàn trình. Bên cạnh đó, thời gian qua, nhiều vấn đề mới nảy sinh, nhất là trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu cải cách, đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong quản lý, giải quyết TTHC đã đặt ra yêu cầu xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhiều VBQPPL nên tiến độ xây dựng các VBQPPL để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC còn chậm.

- Để thực hiện việc đánh giá tác động chính sách, đánh giá TTHC cần có sự khảo sát nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến TTHC. Tuy nhiên, thực tế nhiều cơ quan không có đủ thời gian, nhân lực và tài chính thực hiện, kinh phí cho công tác xây dựng pháp luật nói chung, công tác đánh giá tác động chính sách, đánh giá TTHC nói riêng còn hạn chế, dẫn đến việc xây dựng các báo cáo đánh giá tác động chính sách, bản đánh giá TTHC, biểu mẫu kèm theo còn chưa đạt yêu cầu.

- Nguồn lực để bảo đảm thực thi nhiệm vụ chưa tương ứng với yêu cầu, nhất là về yếu tố con người (nhiều nơi không bố trí đủ biên chế, chế độ đãi ngộ cho những người làm công tác kiểm soát TTHC chưa được quan tâm đúng mức); cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu công việc; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm, CSDL liên quan đến việc giải quyết TTHC còn hạn chế, phổ biến nhất là tình trạng các phần mềm chuyên ngành không kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tại một số cơ quan, đơn vị còn thiếu quyết liệt, chưa kịp thời rà soát, xử lý tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện TTHC; người đứng đầu chưa quan tâm, nêu gương, chỉ đạo sát sao; nhận thức, tư duy về quản trị quốc gia, xây dựng nền hành chính phục vụ trong một bộ phận cán bộ, công chức chậm được đổi mới, chưa thấy được hết ý nghĩa, tầm quan trọng và đòi hỏi cấp bách của cải cách TTHC, lấy người dân là trọng tâm của sự phục vụ; một số cán bộ, công chức, viên chức chưa phát huy vai trò, trách nhiệm trong thực thi công vụ, thói quen làm việc chưa theo kịp với tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm; việc phân công nhiệm vụ chưa bảo đảm “06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ thẩm quyền”.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chặt chẽ, kịp thời. Nhiều trường hợp chưa có cơ chế phối hợp rõ ràng dẫn đến việc chia sẻ thông tin, dữ liệu không đầy đủ, ảnh hưởng đến chất lượng đánh giá và đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu. Một số dịch vụ công liên thông phải có sự tham gia thống nhất của nhiều cơ quan, đơn vị, tuy nhiên quá trình xây dựng phương án triển khai còn vướng mắc, dẫn tới việc chậm tiến độ theo yêu cầu.

- Mặc dù đã có các quy định pháp lý như: Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ... cho phép giao dịch, dịch vụ điện tử và dữ liệu điện tử có giá trị như bản giấy, sử dụng giấy tờ điện tử thay thế bản giấy; tuy nhiên, vẫn còn tình trạng chưa quyết liệt tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC để thay thế thành phần hồ sơ bằng giấy tờ điện tử; vẫn có tâm lý e ngại khi sử dụng giấy tờ điện tử vì lo lắng tính chính xác trong việc kết nối, đồng bộ dữ liệu, dẫn đến việc không áp dụng thực hiện. Đặc biệt là vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức, viên chức khi tiếp nhận hồ sơ vẫn yêu cầu người dân cung cấp bản giấy mà không sử dụng dữ liệu, giấy tờ điện tử.

- Chưa xây dựng được cơ chế kiểm tra, giám sát có hiệu quả đối với đội ngũ công chức thực thi công vụ trong tiếp nhận và giải quyết TTHC trong các lĩnh vực ở từng cấp, từng ngành.

- Các TTHC đều được quy định trong các VBQPPL, do đó để thực hiện được việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thì đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các VBQPPL có liên quan. Tuy nhiên, việc thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC còn chưa được các bộ, ngành quan tâm đúng mức, dẫn đến tiến độ thực thi còn chậm và còn tình trạng chưa đảm bảo thực thi theo phương án khi sửa đổi các VBQPPL có liên quan. Thực trạng nêu trên dẫn đến việc chủ trương và phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC đã được Văn phòng Chính phủ tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt rất rõ ràng nhưng việc đưa vào thực hiện trong thực tế còn có độ trễ do chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung ngay các VBQPPL có liên quan.

- Công tác đánh giá tác động chính sách, TTHC, thẩm định quy định TTHC là nhiệm vụ khó, phức tạp, đòi hỏi người thực hiện phải có trình độ chuyên môn, kiến thức tổng hợp và kinh nghiệm thực tiễn. Trong khi đó, kỹ năng đánh giá tác động chính sách, đánh giá tác động TTHC, thẩm định quy định TTHC của một số công chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương chưa được nâng cao; đội ngũ này thường xuyên thay đổi nhất là trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Đồng thời, chất lượng của đội ngũ này còn hạn chế, một số làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và một bộ phận có chuyên môn thuộc các chuyên ngành khác không phải ngành luật, dẫn đến thiếu thời gian, điều

kiến nghiên cứu chuyên sâu nghiệp vụ, kỹ năng hoặc lúng túng trong tiếp cận, thực hiện công việc; một số trường hợp chưa nắm vững quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL và kỹ năng thực hiện đánh giá tác động chính sách, đánh giá tác động TTHC.

- Việc xây dựng các CSDL, nhất là CSDL quốc gia, trọng yếu còn chậm (08/12 CSDL quốc gia trọng yếu chưa có nền tảng và CSDL tập trung, dẫn đến không thể tái sử dụng dữ liệu). CSDL của các bộ, ngành, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu; hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị còn hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư kịp thời.

- Công tác truyền thông về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số chưa được chú trọng đúng mức.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhằm tiếp tục thực hiện chỉ đạo tại Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, nhất là quan điểm chỉ đạo *“Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước.”* (mục I.3 Nghị quyết 57-NQ/TW), *“Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính”* (mục I.2 Nghị quyết 57-NQ/TW), hướng đến mục tiêu đến năm 2030 *“Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ CSDL quốc gia, CSDL các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số”* (mục II.1 Nghị quyết 57-NQ/TW), đảm bảo cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu với sự đồng bộ giữa **“Cơ sở pháp lý - Cơ sở dữ liệu - Cơ sở hạ tầng”**, Bộ Tư pháp có một số đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo Trung ương như sau:

1. Ban hành Kết luận của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Qua đánh giá kết quả, phân tích những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, Bộ Tư pháp nhận thấy, **“điểm nghẽn” của công tác cải cách TTHC hiện nay** không nằm ở chủ trương, đường lối (chủ trương đã rất rõ và đúng đắn), mà **nằm ở khâu tổ chức thực hiện**, kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương. Cải cách TTHC và chuyển đổi số là thách thức về năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện, không đơn thuần là thách thức về công nghệ hay kinh phí.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác cải cách TTHC, thực hiện đồng bộ các giải pháp về **“Cơ sở pháp lý - Cơ sở dữ liệu - Cơ sở hạ tầng”** cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Do đó, Bộ Tư pháp kính đề xuất Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, chỉ đạo Bộ Tư pháp tiếp thu ý kiến của Ban Chỉ đạo Trung ương,

hoàn thiện và tham mưu Bộ Chính trị ban hành **Kết luận của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác cắt giảm, đơn giản hóa TTHC**.

Việc ban hành Kết luận nhằm chỉ đạo và yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan/đơn vị quyết tâm chính trị cao nhất thực hiện chủ trương, chính sách cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu; tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát và kiên quyết xử lý nghiêm các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương, có biểu hiện né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, làm chậm quá trình cải cách TTHC và chuyển đổi số; đồng thời, có chính sách cho cán bộ, công chức trực tiếp, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC của bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương được hưởng hỗ trợ hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng theo chế độ tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật⁶⁶.

(Xin gửi kèm theo dự thảo Kết luận của Bộ Chính trị).

2. Một số đề xuất, kiến nghị đối với công tác cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên CSDL

Trong điều kiện dữ liệu nói chung và dữ liệu liên quan đến TTHC nói riêng đang được các bộ, cơ quan khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và sẽ được thay đổi liên tục, cập nhật thường xuyên. Do đó, để bảo đảm nguyên tắc **dữ liệu “sạch” đến đâu thì thực thi phương án thay thế, cắt giảm ngay đến đó**, Bộ Tư pháp kính đề xuất Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, chỉ đạo một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

2.1. Đề nghị giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

2.1.1. Chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương:

- Tổ chức thi hành nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu; trong đó, giao các bộ, cơ quan có các CSDL liên quan đến các giấy tờ được cắt giảm, đơn giản hóa theo Nghị quyết: (i) Hoàn thành việc rà soát, khắc phục sai sót, cập nhật bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, nhất quán của dữ liệu; chia sẻ dữ liệu và công bố thông tin trong CSDL được khai thác, sử dụng thay thế thành phần hồ sơ TTHC trước ngày 01/01/2026; (ii) Ban hành hướng dẫn và phối hợp triển khai kết nối để khai thác, sử dụng thông tin trong CSDL, hoàn thành trước ngày 01/01/2026 để thống nhất thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

⁶⁶ Theo thống kê của Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ thì số lượng cán bộ, công chức trực tiếp, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC của bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương hiện nay là 3.614 người. Số kinh phí dự kiến ngân sách cấp thêm là 3.614 x 8.975.000 đồng x 12 tháng ~ 389 tỷ đồng/năm.

- Tiếp tục quán triệt, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong việc thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu; đồng thời, chú trọng hơn nữa công tác truyền thông để cán bộ, công chức giải quyết TTHC và người dân thay đổi tư duy, thói quen, thực hiện việc khai thác thông tin sẵn có trong các CSDL thay vì yêu cầu người dân nộp hồ sơ, giấy tờ bản giấy.

- Tập trung kiểm soát việc quy định TTHC trong quá trình xây dựng VBQPPL và trong thực thi TTHC. Quá trình tham mưu VBQPPL có quy định về TTHC cần thống nhất thực hiện *“cơ bản không quy định TTHC, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền nhưng không được đặt thêm TTHC, phát sinh thêm giấy phép con so với hiện hành”* theo đúng chỉ đạo tại Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật.

- Chú trọng thực hiện nghiêm quy định về đánh giá tác động TTHC và phát huy tốt hơn nữa vai trò của cơ quan kiểm soát TTHC, nhất là trong rà soát, góp ý, thẩm định quy định về TTHC.

- Tập trung thực hiện công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ.

2.1.2. Chỉ đạo sửa đổi các quy định về công bố TTHC tại địa phương theo hướng Chủ tịch UBND các cấp chỉ công bố đối với các TTHC do cấp mình ban hành hoặc được giao quy định chi tiết; các trường hợp khác thì thực hiện thống nhất theo công bố chung của các bộ, ngành mà địa phương không thực hiện công bố lại, tránh nhầm lẫn việc tăng số lượng TTHC tại địa phương và đảm bảo phù hợp với kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung.

2.1.3. Chỉ đạo tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả đối với đội ngũ công chức thực thi công vụ trong hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức. Trong đó, có việc thiết lập, vận hành có hiệu quả Kênh thông tin/Đường dây nóng tập trung, thông suốt từ Trung ương đến địa phương để tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến các hoạt động thực thi công vụ của công chức tham gia hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết TTHC nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp công chức có thái độ, hành vi sách nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân.

2.1.4. Ban hành cơ chế, chính sách để nâng cao tính chủ động, linh hoạt cho các bộ, ngành, địa phương trong việc sử dụng, phân bổ kinh phí từ nguồn tự chủ của bộ, ngành, địa phương cho triển khai các nhiệm vụ cải cách TTHC được giao. Cơ chế khuyến khích, thúc đẩy các bộ, ngành, địa phương tăng cường đổi mới tư

duy, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách TTHC thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế đánh giá chất lượng dịch vụ công trực tuyến; mở rộng phạm vi và tăng cường thực hiện các khảo sát chuyên sâu nhằm đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công trực tuyến trên nhiều lĩnh vực.

2.1.5. Tăng cường hợp tác, chia sẻ, giao lưu quốc tế về cải cách TTHC để tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức trong việc nghiên cứu, tham mưu, đề xuất áp dụng các giải pháp, mô hình cải cách TTHC có hiệu quả tại Việt Nam.

2.2. Đề nghị giao các bộ, ngành, địa phương:

2.2.1. Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ:

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm, phân công trách nhiệm rõ đầu mỗi kỹ thuật, đầu mỗi điều phối và nhân sự thường trực tại các Bộ, ngành để hỗ trợ trực tiếp trong quá trình rà soát, hoàn thiện, vận hành CSDL, đảm bảo tiến độ đặt ra; định kỳ hàng tuần có báo cáo tiến độ, khó khăn, đề xuất cụ thể để Bộ Công an (C06) tổng hợp, xử lý kịp thời.

- Đẩy nhanh tiến độ tái cấu trúc quy trình, xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành (theo mô hình tập trung), hoàn thành trước ngày 01/01/2026. Trên cơ sở đó, chủ động tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung, đảm bảo vận hành thông suốt trên phạm vi toàn quốc.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; liên thông, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cũng như cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo đúng mục tiêu, yêu cầu tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương. Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng công nghệ để kết nối, khai thác, sử dụng thông tin trong các CSDL; việc khắc phục sai sót, thực hiện đồng bộ dữ liệu, nâng cấp hệ thống phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến kết nối, khai thác dữ liệu để giải quyết TTHC.

- Các cơ quan chủ quản CSDL có trách nhiệm: (1) Tổ chức cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trong CSDL và công bố phạm vi thông tin trong CSDL được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo mức độ hoàn thiện của CSDL; đồng thời thông báo cho các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố để rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; (2) Hướng dẫn bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố kết nối để khai thác, sử dụng CSDL, trong đó xác định rõ các trường thông tin cần thiết phục vụ cho việc khai thác, sử dụng.

- Khẩn trương hoàn thiện, ban hành Chiến lược dữ liệu, Chiến lược chuyển đổi số của cơ quan/đơn vị theo lộ trình tại Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ. Hoàn thiện, nâng cấp, đảm bảo nền tảng, hạ tầng dữ liệu, an ninh an toàn phục vụ kết nối, chia sẻ, làm sạch dữ liệu với CSDL Quốc gia về dân cư để đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia, phục vụ kết nối liên thông đến toàn bộ hệ thống chính trị.

Các bộ có các CSDL nguy cơ không đảm bảo tiến độ (Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Ngoại giao, Văn hoá, Thể thao và Du lịch) khẩn trương xây dựng các CSDL, cam kết hoàn thành nền tảng CSDL tập trung và sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo đúng tiến độ yêu cầu; tăng cường công tác phối hợp, trao đổi giữa các đơn vị bộ, ngành với tập đoàn, doanh nghiệp đồng hành; có cam kết và chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo Trung ương về triển khai các nhiệm vụ được giao tại Thông báo kết luận số 44-TB/TGV.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật để bảo đảm quy định TTHC phù hợp với việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nhất là dịch vụ công trực tuyến toàn trình dựa trên dữ liệu. Khẩn trương rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn để khắc phục các hạn chế thiếu thống nhất trong việc thực hiện phân cấp đối với các TTHC được áp dụng trong nhiều ngành, lĩnh vực. Rà soát, loại bỏ các quy định yêu cầu xác nhận, nhất là xác nhận địa chỉ cư trú, đặt trụ sở nơi cũ và mới, thay thế bằng việc xuất trình thông tin trên VNeID hoặc chia sẻ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư.

- Phối hợp với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm soát chặt chẽ việc ban hành TTHC tại địa phương, rà soát, bãi bỏ ngay những thủ tục không cần thiết; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực chất việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, hoàn thành trước ngày 15/12/2025 theo đúng chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ tại Văn bản số 81-CV/ĐU ngày 10/11/2025.

- Đối với kinh phí thực hiện, các Bộ, ngành khẩn trương hoàn thiện hồ sơ đăng ký kinh phí và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính phê duyệt, phân bổ, đảm bảo hoàn thiện tiến độ trong năm 2025-2026; chủ động ban hành ngay hướng dẫn định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc phương án dự toán xây dựng, tạo lập CSDL chuyên ngành theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách theo thẩm quyền.

2.2.2. Đối với Bộ Công an:

- Khẩn trương ban hành hướng dẫn tích hợp, kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành (theo mô hình tập trung) với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống điều phối giải quyết TTHC, gắn với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia trong tháng 11/2025.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, công bố các CSDL, bảo đảm kết nối, khai thác, sử dụng theo đúng quy định; theo dõi, đánh giá tình hình giải quyết TTHC dựa trên dữ liệu.

2.2.3. Đối với Bộ Tư pháp: Chủ trì, phối hợp Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất Chính phủ ban hành Nghị quyết theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật điều chỉnh các quy định trong VBQPPL do các cơ quan trung ương ban hành để cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, hoàn thành trước ngày 31/12/2025. Đây là cơ sở pháp lý để công tác cắt giảm, đơn giản hoá TTHC được thực chất và hiệu quả. Theo đó, sau khi Nghị quyết được ban hành, dự kiến sẽ có khoảng **3.046** TTHC sẽ chính thức thực thi được các phương án cắt giảm, đơn giản hoá TTHC.

2.2.4. Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng để đảm bảo thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo mô hình tập trung và thực thi hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu.

- Khẩn trương xem xét, thẩm định và phê duyệt hồ sơ đăng ký, đề xuất kinh phí của các Bộ, ngành phục vụ nhiệm vụ theo đúng quy định để Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ phê duyệt, trọng tâm là nhiệm vụ xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành (theo mô hình tập trung).

- Hướng dẫn kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh, bảo đảm sử dụng các nền tảng số tập trung, thống nhất, kết nối với các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành. Đánh giá hiệu quả vận hành các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, Hệ thống điều phối giải quyết thủ TTHC và các kết nối giữa các thành phần trong Hệ thống điều phối giải quyết TTHC.

2.2.5. Đối với Bộ Tài chính:

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc tổng hợp hồ sơ đăng ký kinh phí; đồng thời tham mưu, trình Chính phủ xem xét, phê duyệt kế hoạch phân bổ kinh phí theo đúng quy định, bảo đảm tính khả thi và đồng bộ giữa các dự án.

- Tham mưu ban hành cơ chế, chính sách để nâng cao tính chủ động, linh hoạt cho các bộ, ngành, địa phương trong việc sử dụng, phân bổ kinh phí từ nguồn tự chủ của bộ, ngành, địa phương cho triển khai các nhiệm vụ cải cách TTHC được giao.

2.2.6. Đối với Bộ Nội vụ: Ban hành hướng dẫn việc lưu trữ hồ sơ TTHC có thành phần hồ sơ được cắt giảm, đơn giản hóa dựa trên dữ liệu.

2.2.7. Đối với Văn phòng Chính phủ:

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia, hoàn thành trước ngày 15/12/2025 để bảo đảm phù hợp với kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

- Thực hiện rà soát, tổng hợp Danh mục TTHC đặc thù của địa phương, tham mưu thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc ban hành TTHC của các địa phương, rà soát, loại bỏ ngay các thủ tục không cần thiết theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 202-KL/TW ngày 31/10/2025.

- Tiếp tục hoàn thiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; trong đó, có chỉ số đánh giá về tỷ lệ ứng dụng các dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

2.2.8. Đối với các địa phương:

- Khẩn trương rà soát, nâng cấp hạ tầng, kỹ thuật, an toàn thông tin tại địa phương để đảm bảo sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành (theo mô hình tập trung) từ ngày 01/01/2026; bảo đảm các điều kiện về hạ tầng công nghệ để kết nối, khai thác, sử dụng thông tin trong các CSDL để giải quyết TTHC theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu theo quy định, nhất là cập nhật dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành (theo mô hình tập trung).

- Thực hiện nghiêm quy định về giải quyết TTHC dựa trên dữ liệu; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vẫn yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp bản giấy tờ bản giấy khi đã có dữ liệu.

- Thực hiện việc tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC và công bố công khai đối với các TTHC do địa phương ban hành có thành phần hồ sơ được thay thế bằng thông tin trên các CSDL; điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC theo các quy định mới về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu.

- Ban hành Quyết định công bố và tổ chức thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh, giúp người dân thuận lợi, lựa chọn nộp hồ sơ TTHC phù hợp với nơi cư trú, sinh sống, học tập, làm việc.

- Đối với TTHC đặc thù do địa phương ban hành, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố khẩn trương rà soát, tham mưu cơ quan có thẩm quyền ở địa phương sửa đổi, bổ sung các VBQPPL để thực hiện việc cắt giảm hoặc không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp thành phần hồ sơ mà thông tin đã có trong các CSDL theo đúng Công điện số 201/CĐ-TTg ngày 22/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là báo cáo về thực hiện cắt giảm và đơn giản hóa TTHC, Bộ Tư pháp xin trân trọng báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương./.

(Bộ Tư pháp xin gửi kèm theo:

1. Dự thảo Kết luận của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

2. Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu.

3. Các Phụ lục kèm theo Báo cáo này, gồm:

(1) Phụ lục I - Danh mục các công việc đã triển khai để thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC theo Thông báo số 07-TB/CQTTCĐ.

(2) Phụ lục II - Danh mục các văn bản chỉ đạo, điều hành về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và xây dựng CSDL.

(3) Phụ lục III - Tổng hợp số lượng VBQPPL cần tập trung sửa đổi, bổ sung để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD theo Nghị quyết số 66/NQ-CP.

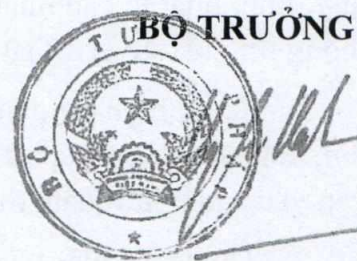
(4) Phụ lục IV - Tổng hợp số lượng VBQPPL cần tập trung sửa đổi, bổ sung để thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư.

(5) Phụ lục V - Tổng hợp số lượng VBQPPL cần tập trung sửa đổi, bổ sung để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

(6) Phụ lục VI - Danh mục tình hình xây dựng CSDL).

Nơi nhận

- Như trên (để báo cáo);
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương (để báo cáo);
- Văn phòng Tổng Bí thư (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ Công an (để p/h);
- Bộ Nội vụ (để p/h);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để p/h);
- Tổ công tác liên ngành;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, VP (CCHC).



Nguyễn Hải Ninh

**BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
TỔ GIÚP VIỆC**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2025

Số 53-TB/TGV

THÔNG BÁO KẾT LUẬN

**CUỘC HỌP CỦA LÃNH ĐẠO BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VỚI THƯỜNG TRỰC TỔ GIÚP VIỆC VÀ
CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN VỀ MỘT SỐ VƯỚNG MẮC, KHÓ KHĂN
TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW**

Ngày 21/11/2025, đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (gọi tắt là Ban Chỉ đạo), đồng chí Trần Sỹ Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương và đồng chí Nguyễn Chí Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên Ban Chỉ đạo đã chủ trì cuộc họp với Thường trực Tổ Giúp việc và các cơ quan, đơn vị liên quan về giải quyết một số vướng mắc, khó khăn trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tham dự cuộc họp có các đồng chí đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Công an, Y tế, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo, Tổ Công tác liên ngành về xử lý khó khăn, vướng mắc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi là Tổ Công tác liên ngành) và các đơn vị liên quan.

Trên cơ sở Báo cáo rà soát, đánh giá các điểm nghẽn của Tổ Công tác liên ngành và ý kiến phát biểu tại cuộc họp, lãnh đạo Ban Chỉ đạo đánh giá cao nỗ lực của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương từ sau Phiên họp sơ kết 9 tháng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tuy nhiên, việc triển khai 5 nhóm vấn đề trọng tâm (gồm: kinh phí; thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cơ sở dữ liệu; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo) còn chậm so với yêu cầu; nhận thức và phương pháp thực hiện tại một số cơ quan Trung ương, địa phương còn chưa thông suốt. Để bảo đảm hoàn thành dứt điểm các nhiệm vụ có hạn đến trước ngày 31/12/2025, Lãnh đạo Ban Chỉ đạo thống nhất kết luận và chỉ đạo như sau:

1. Về kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đề nghị đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng báo cáo đồng chí Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan thuộc khối Chính phủ

làm rõ và thống nhất về phương án xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc hiện nay liên quan đến cơ chế tài chính và thủ tục đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST, CDS).

b) Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và Tổ công tác liên ngành theo chức năng, nhiệm vụ bảo đảm tiến độ tham mưu và xử lý các vướng mắc, khó khăn liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng dẫn về tài chính, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS. Chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo nếu để xảy ra chậm trễ.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khẩn trương rà soát, xác định rõ tính chất nguồn vốn ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) đối với các đề xuất bổ sung dự toán năm 2025 còn lại cho KHCN, ĐMST, CDS (trong tổng nguồn vốn chưa phân bổ hết); Có văn bản gửi Bộ Tài chính **trước ngày 25/11/2025**, trong đó cụ thể nhu cầu nguồn vốn cho chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên.

- Rà soát, ban hành theo thẩm quyền: (1) Hướng dẫn về các hạng mục chi thuộc lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS, **hoàn thành trong tháng 11/2025** bảo đảm thống nhất, xuyên suốt cho việc đăng ký và phân bổ, quyết toán kinh phí¹. Trên cơ sở đó, chủ trì, phối hợp với các cơ quan Trung ương và địa phương bóc tách kinh phí đã bổ sung năm 2025 và dự toán năm 2026 đã đề xuất cho từng cơ quan Trung ương và địa phương theo từng hạng mục chi để các cơ quan Trung ương và địa phương phân bổ, giao dự toán chi tiết cho đơn vị thuộc, trực thuộc, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trước 31/12/2026 theo Luật Ngân sách nhà nước; (2) Hướng dẫn về tiêu chí và quy trình xác định hợp phần KHCN, ĐMST, CDS trong các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư công kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-CP, **hoàn thành trong tháng 11/2025**.

d) Bộ Tài chính

- Trên cơ sở văn bản đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ về nhu cầu bổ sung dự toán năm 2025 còn lại (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên), tổng hợp, trình Chính phủ, báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định phương án điều chuyển nguồn kinh phí chi đầu tư (trong tổng nguồn vốn chưa phân bổ hết) sang chi thường xuyên để kịp thời đáp ứng nhu cầu cấp thiết của các cơ quan Trung ương và địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu xác định cách tiếp cận, phạm vi, nguồn thông tin và phương pháp tính tỉ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CDS trong GDP để định kỳ tính toán, công bố. **Hoàn thành trong tháng 11/2025**.

¹ Nhiệm vụ đã giao tại Thông báo kết luận số 07-TB/CQTTBCĐ, ngày 15/10/2025

2. Về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

a) Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ:

- Khẩn trương xây dựng biểu mẫu thống kê, rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương ở 3 cấp chính quyền; hướng dẫn việc chuẩn hoá thành phần hồ sơ điện tử (xác định mẫu đơn, tờ khai cần chuyển sang eForm), chuẩn hoá quy trình nội bộ (quy trình điện tử, eForm), xác lập mối liên kết giữa thủ tục - kết quả - dữ liệu và các thành phần hồ sơ có thể khai thác, tái sử dụng từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành để thay thế giấy tờ khi các cơ sở dữ liệu này vận hành, hoàn thành gửi các bộ, ngành, địa phương thực hiện **trong ngày 26/11/2025**. Kết quả rà soát, chuẩn hoá gồm: danh mục thủ tục hành chính tại 3 cấp chính quyền; thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết đối với từng thủ tục hành chính đã được chuẩn hoá; trường dữ liệu thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành dự kiến thay thế thành phần hồ sơ, giấy tờ.

- Tổng hợp kết quả rà soát, chuẩn hoá báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét xử lý **trước ngày 15/12/2025**.

b) Các bộ, ngành, địa phương

- Dựa trên biểu mẫu thống kê, rà soát và hướng dẫn do Bộ Tư pháp ban hành (trên cơ sở thống nhất của 04 bộ, cơ quan nêu trên) chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp đồng hành tổ chức thống kê, rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; chuẩn hoá quy trình nội bộ, quy trình điện tử và dữ liệu đầu vào bảo đảm cùng một thủ tục hành chính tại cùng một cấp (xã/tỉnh) phải được thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở đó, xác định rõ các trường thông tin, dữ liệu có thể khai thác từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thay thế thành phần hồ sơ giấy; cập nhật và công bố công khai các thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo đúng quy định. Kết quả rà soát gửi Bộ Tư pháp và Bộ Công an **trước ngày 05/12/2025**.

- Căn cứ Nghị quyết 66.7/NQ-CP ngày 15/11/2025, công bố công khai và áp dụng thống nhất các trường dữ liệu có giá trị pháp lý thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ đối với các thủ tục hành chính quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết. **Hoàn thành trước ngày 30/11/2025**.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Chuyển đổi số, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất quy định về việc cung cấp chữ ký số cá nhân miễn phí cho người dân nhằm bảo đảm tính khả thi và khả năng phổ cập trong triển khai giao dịch điện tử. **Báo cáo kết quả trước ngày 30/11/2025**.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng khẩn trương ban hành văn bản thống nhất hướng dẫn số hoá theo nhiệm vụ được giao tại Thông báo số 07-TB/CQTTBCĐ, ngày 15/10/2025 để các cơ quan trong hệ thống chính trị triển khai thực hiện. **Hoàn thành trước ngày 30/11/2025.**

- Chủ trì hướng dẫn bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh theo Văn bản số 5721/BKHCN-CĐSQG ngày 17/10/2025 bảo đảm thống nhất, thông suốt; nghiên cứu, rà soát các văn bản pháp lý hiện hành, trên cơ sở đó đề xuất sửa đổi, bổ sung bảo đảm phù hợp với Kiến trúc nêu trên.

3. Về dữ liệu

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan:

a) Trên cơ sở kết quả rà soát, tổng hợp thành phần hồ sơ thủ tục hành chính của các bộ, ngành, thực hiện tổ chức đánh giá các thành phần hồ sơ chưa có khả năng liên kết với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ; xác định rõ thuộc lĩnh vực dữ liệu của bộ, ngành nào và làm việc trực tiếp với bộ, ngành đó để thống nhất kế hoạch nâng cấp cơ sở dữ liệu hiện có hoặc xây dựng mới nhằm bảo đảm khi hoàn thành sẽ thay thế được thành phần hồ sơ giấy tương ứng. Việc đề xuất danh mục CSDL cần nâng cấp hoặc xây dựng mới (ngoài 116 cơ sở dữ liệu quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ) **hoàn thành trước ngày 15/12/2025.**

b) Triển khai giải pháp quản trị dữ liệu theo mô hình đa tầng, đa lớp phục vụ phân tích, tổng hợp và tạo giá trị gia tăng từ dữ liệu; trong đó ưu tiên vận hành thông suốt các dữ liệu nền tảng quốc gia (dữ liệu dân cư, hộ tịch, doanh nghiệp, đất đai) để phục vụ các tiện ích xã hội trước, sau đó mở rộng kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo đúng lộ trình.

c) Thực hiện điều phối dữ liệu quốc gia, bảo đảm khai thác tối đa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, chỉ đạo điều hành, phát triển kinh tế - xã hội; trọng tâm là kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung cấp bộ nhằm bảo đảm dữ liệu được chia sẻ thống nhất, hỗ trợ việc thay thế giấy tờ bằng dữ liệu điện tử theo Nghị quyết 66.7/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ và kết quả rà soát, chuẩn hoá tại điểm a, b khoản 2 Thông báo này.

4. Về tổ chức thực hiện

a) Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo hoàn thiện Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW tháng 11/2025; trong đó cập nhật đầy đủ các khó khăn, vướng mắc đã chỉ ra tại cuộc họp và trách nhiệm của từng bộ, ngành, địa phương đối với các nhóm nhiệm vụ cụ thể.

b) Tổ Công tác liên ngành

- Tổ chức làm việc, trao đổi ngay với 05 địa phương chưa đăng ký vốn chi thường xuyên (Quảng Trị, Khánh Hoà, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ) để xác định nguyên nhân, có biện pháp xử lý kịp thời.

- Nâng cao hiệu quả phối hợp và đôn đốc; các biên bản làm việc cần ghi nhận thực chất, rõ người, rõ việc, rõ thời hạn, bảo đảm sự thống nhất cao từ chủ trương đến hành động thực tế.

c) Các đồng chí được phân công phụ trách các Khối cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, căn cứ kết quả tại Báo cáo tháng 11/2025, trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi phụ trách khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 đúng tiến độ.

Thường trực Tổ Giúp việc trân trọng thông báo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Ban Chỉ đạo tại cuộc họp với Thường trực Tổ Giúp việc và một số cơ quan, tổ chức có liên quan để các cơ quan Trung ương, địa phương biết, thực hiện.

Nơi nhận:

- Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm,
Trường Ban Chỉ đạo Trung ương (để báo cáo),
- Đồng chí Phạm Minh Chính,
Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ,
Phó Trưởng Ban Chỉ đạo (để báo cáo),
- Đồng chí Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Bộ Chính trị,
Chủ tịch Quốc hội (để báo cáo),
- Đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị,
Thường trực Ban Bí thư, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo
(để báo cáo),
- Đồng chí Bùi Thị Minh Hoài, Ủy viên Bộ Chính trị,
Bí thư Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Mặt trận
Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương (để báo cáo),
- Đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, Ủy viên Bộ Chính trị,
Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo
(để báo cáo),
- Đồng chí Trần Sỹ Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng,
Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương,
Phó Trưởng Ban Chỉ đạo (để báo cáo);
- Đồng chí Phạm Gia Túc, Ủy viên Trung ương Đảng,
Chánh Văn phòng Trung ương (để báo cáo),
- Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương (để báo cáo),
- Các đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các ban đảng Trung ương,
- Đảng ủy các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan
thuộc Chính phủ; ủy ban nhân dân các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương,
- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng,
- Lãnh đạo Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo,
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Ban Chỉ đạo Trung ương.

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG

kiêm

TỔ TRƯỞNG



Võ Thành Hưng

